

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình khuyến công địa phương
giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 về khuyến công; số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Công Thương: số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công; số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 2646/QĐ-BCT ngày 23/9/2025 của Bộ Công Thương phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 15/TTr-SCT ngày 24/3/2026 và Văn bản số 940/SCT-QLCN ngày 17/4/2026;

Thực hiện Thông báo số 248/TB-UBND ngày 05/5/2026 của UBND tỉnh; ý kiến thống nhất của các Thành viên UBND tỉnh (bằng Phiếu biểu quyết).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình khuyến công địa phương giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó CVP theo dõi lĩnh vực;
- Trung tâm CB -TH tỉnh;
- Lưu: VT, KT, KT₂.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Báu Hà

CHƯƠNG TRÌNH

Khuyến công địa phương giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH**1. Quan điểm**

- Đẩy mạnh hoạt động khuyến công nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn (sau đây gọi tắt là CNNT) trên địa bàn tỉnh theo hướng bền vững, hiệu quả, tập trung khai thác và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế cho phát triển công nghiệp nông thôn; ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với các sản phẩm đặc sản và sản phẩm có lợi thế của địa phương. Quan tâm hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm đặc trưng như nhung hươu Hương Sơn, trầm hương, cam Khe Mây, bưởi Phúc Trạch, kẹo cu đơ Hà Tĩnh... thông qua hoạt động chế biến sâu, cải tiến mẫu mã, bao bì, xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ. Góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030.

- Triển khai Chương trình khuyến công bám sát tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; lấy chuyển đổi số là động lực then chốt để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của công nghiệp nông thôn. Đẩy mạnh chính sách khuyến công trên cơ sở phát huy vai trò động lực của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh nhằm thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện nhất quán Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế và là đối tượng trọng tâm của hoạt động khuyến công. Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần khởi nghiệp, sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (sau đây gọi tắt là CN-TTCN) trên địa bàn tỉnh, góp phần thúc đẩy kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng nhất của nền kinh tế.

- Tăng cường trách nhiệm và sự phối hợp của các cấp, các ngành, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước; đồng thời phát huy vai trò của các tổ chức hỗ trợ, đơn vị sự nghiệp và sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn trong tổ chức thực hiện Chương trình.

2. Mục tiêu của Chương trình

a) Mục tiêu chung

- Bám sát mục tiêu, định hướng chương trình khuyến công của Bộ Công Thương và chính sách của tỉnh hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất CN-TTCN một cách bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế và góp phần xây dựng nông thôn mới.

- Đẩy mạnh các hoạt động khuyến công theo hướng kết hợp giữa Nhà nước với doanh nghiệp, theo chuỗi ngành hàng, chuyển đổi số; tăng cường hỗ trợ ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ các ngành thâm dụng tài nguyên và lao động sang các ngành thâm dụng vốn và công nghệ; nâng cao năng suất chất lượng, giá trị gia tăng của các sản phẩm CNNT.

- Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất và tiêu dùng bền vững hướng đến các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp các-bon thấp gắn với bảo vệ môi trường, thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số.

- Tạo điều kiện cho các cơ sở CNNT nâng cao năng lực cạnh tranh, thích ứng với các tiêu chuẩn thị trường quốc tế và tham gia vào các chuỗi giá trị khu vực, toàn quốc; ưu tiên hỗ trợ sản xuất các sản phẩm chủ lực, có tiềm năng, lợi thế của tỉnh; tăng tỷ trọng chế biến sâu trong các sản phẩm CNNT, gia tăng giá trị và hàm lượng công nghệ cao trong các sản phẩm CNNT trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các cơ sở CNNT thuận lợi trong tiếp cận các cơ hội phát triển kinh tế số, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số của các cơ sở CNNT, nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh và thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế; tạo môi trường thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững.

b) Mục tiêu cụ thể

- Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất CN-TTCN: góp phần nâng cao năng suất lao động trong khu vực CNNT (các cơ sở CNNT được hỗ trợ đạt tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân từ 10 - 12%/năm và tăng năng suất lao động trên 15%/năm) tập trung vào các ngành chế biến nông, lâm, thủy sản, sản phẩm có lợi thế của tỉnh (như chế biến sản phẩm từ nhung hươu, trầm hương...).

- Hỗ trợ phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu: đến năm 2030, tỉnh có thêm từ 80 - 100 sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh và từ 04 - 10 sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp quốc gia được chứng nhận; 100% sản phẩm CNNT tiêu biểu có bao bì, nhãn mác chất lượng gắn với truy xuất nguồn gốc và kênh bán hàng online.

- Xây dựng điểm trung bày, giới thiệu sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh và cấp quốc gia gắn với tiêu thụ, quảng bá sản phẩm CNNT tiêu biểu, sản phẩm OCOP và sản phẩm chủ lực của tỉnh cho các cơ sở CNNT trên địa bàn tỉnh. Phần đầu cơ sở CNNT sau khi được hỗ trợ có doanh thu tăng từ 10 - 15%; trên 60% sản phẩm trung bày được kết nối tiêu thụ ổn định; 100% điểm trung bày trở thành điểm giới thiệu, quảng bá sản phẩm CNNT gắn với du lịch, xúc tiến thương mại.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý, tư vấn, trợ giúp các cơ sở CNNT: giúp chủ các cơ sở CNNT nâng cao năng lực quản trị, tăng khả năng giao tiếp, quảng bá, bán hàng qua các hình thức khác ngoài hình thức truyền thống (như bán hàng qua sàn thương mại điện tử, mạng xã hội...); áp dụng phần mềm quản lý sản xuất/kinh doanh cơ bản. Phần đầu 80% học viên tham gia đào tạo, tập huấn áp dụng chuyển đổi số, xây dựng nhãn hiệu sản phẩm hoặc áp dụng sản xuất và tiêu dùng bền vững.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất CN-TTCN tại các xã, phường thuộc tỉnh; các làng nghề được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

b) Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

c) Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

d) Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

2. Phạm vi áp dụng

Chương trình được thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh gồm các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Điều 4 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 của Chính phủ), đồng thời lồng ghép mục tiêu chuyển đổi số và phát triển kinh tế tư nhân trong CNNT.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2030.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Trong giai đoạn 2026 - 2030, tập trung thực hiện hoạt động khuyến công theo những nội dung chủ yếu sau:

1. Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất CN-TTCN

Hỗ trợ khoảng 15 cơ sở CNNT (bình quân 03 cơ sở CNNT/năm) ứng dụng máy móc thiết bị, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất CN-TTCN. Tập trung hỗ trợ theo hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tăng cường hỗ trợ xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đăng ký, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ (nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý...) nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; đẩy mạnh chế biến sâu và hoàn thiện các công đoạn chiết tách, sấy khô, đóng chai, đóng gói đối với các sản phẩm nông, lâm, thủy sản gắn với các sản phẩm đặc sản, sản phẩm có lợi thế của tỉnh Hà Tĩnh (sản phẩm từ nhung hươu, trầm hương, nước mắm và các sản phẩm hải sản chế biến...); ưu tiên hỗ trợ đối với các cơ sở CNNT di dời vào Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Hỗ trợ phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu

- Tổ chức bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh (vào các năm 2027, 2029); hỗ trợ sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh tham gia bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp quốc gia (vào các năm 2027, 2029).

- Hỗ trợ đầu tư 05 phòng trưng bày giới thiệu quảng bá sản phẩm cho các cơ sở CNNT có sản phẩm được công nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh, cấp quốc gia.

- Quan tâm hỗ trợ nâng cao chất lượng sản phẩm; cải tiến mẫu mã, bao bì, xây dựng và phát triển thương hiệu đối với các sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP và sản phẩm CNNT tiêu biểu của tỉnh như nhung hươu, trầm hương, cam Khe Mây, bưởi Phúc Trạch, kẹo Cu đơ Hà Tĩnh; tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, kết nối tiêu thụ nhằm mở rộng thị trường, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm CNNT.

3. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý, tư vấn, trợ giúp các cơ sở CNNT

Hỗ trợ tổ chức 15 lớp tập huấn (bình quân mỗi năm 03 lớp cho từ 12-15 xã, phường) nhằm nâng cao năng lực quản lý cho khoảng 1.500 học viên tham gia các khóa bồi dưỡng kiến thức về khởi sự và quản trị doanh nghiệp, xây dựng nhãn hiệu sản phẩm, chuyển đổi số, áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững và phổ biến các chính sách về hỗ trợ phát triển CN-TTCN.

4. Công tác truyền thông, nâng cao năng lực quản lý và năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công

- Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh, bản tin, ấn phẩm, xây dựng trung tâm dữ liệu, trang thông tin điện tử; tờ rơi, tập gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác về khuyến công. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác truyền thông.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát hướng dẫn triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công và tổng kết công tác khuyến công giai đoạn.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành, vốn của cơ sở CNNT, vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án, các nguồn vốn huy động hợp pháp khác nhằm đầu tư phát triển CNNT.

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện Chương trình: 22.469 triệu đồng; trong đó:

- Nguồn từ ngân sách tỉnh hỗ trợ: 6.719 triệu đồng.
- Nguồn đối ứng của các đơn vị thụ hưởng: 15.750 triệu đồng.

Mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương từ nguồn ngân sách nhà nước do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

(Chi tiết tại các Phụ lục đính kèm)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Là cơ quan thường trực tham mưu giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện Chương trình; chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí, kế hoạch tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí hằng năm để thực hiện Chương trình khuyến công của tỉnh, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định, đảm bảo hiệu quả, khả thi, có tính lan tỏa, thiết thực nhằm kích hoạt và huy động được các nguồn lực để phát triển công nghiệp nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương; đề xuất UBND tỉnh quyết định hình thức hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương và các cơ chế chính sách.

- Chủ trì xây dựng các đề án khuyến công có sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia trình Bộ Công Thương xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn UBND các phường, xã, các đoàn thể tổ chức triển khai thực hiện Chương trình. Tổ chức kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh nhằm tháo gỡ khó khăn tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển CNNT.

- Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Hà Tĩnh (thuộc Sở Công Thương) là đơn vị đầu mối triển khai hoạt động khuyến công theo chương trình, kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, thanh quyết toán theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tổng hợp, cân đối, lồng ghép các nguồn lực, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội với kế hoạch khuyến công hàng năm.

- Hàng năm trên cơ sở dự toán của Sở Công Thương, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách tỉnh, tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Chương trình trong dự toán sự nghiệp Công Thương đầu năm.

- Phối hợp hướng dẫn, quản lý và kiểm tra việc sử dụng kinh phí và thanh quyết toán kinh phí thực hiện chương trình.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với Sở Công Thương trong việc cấp phép xuất bản tin, ấn phẩm về khuyến công để giúp các doanh nghiệp có thêm kênh giới thiệu, quảng bá sản phẩm trong và ngoài nước.

4. Các Sở, ngành liên quan (Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Y tế,...): theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý, phối hợp với Sở Công Thương để thực hiện chương trình có hiệu quả.

5. Các đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội, đơn vị thông tin truyền thông (Báo và Phát thanh, truyền hình Hà Tĩnh và các phương tiện thông tin đại chúng):

- Tăng thời lượng thông tin, tuyên truyền chủ trương chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp của Đảng, Nhà nước và của tỉnh; giới thiệu tình hình, kết quả hoạt động khuyến công, mô hình sản xuất kinh doanh tốt, công nghệ, kỹ thuật tiên bộ, sản phẩm mới, sản phẩm tiêu biểu, những làng nghề, doanh nhân thành đạt góp phần thúc đẩy phát triển CNNT.

- Tập trung tuyên truyền vận động các cá nhân, tập thể, tổ chức, doanh nghiệp tích cực tham gia thực hiện Chương trình và phối hợp với Sở Công Thương, UBND các phường, xã trong hoạt động khuyến công.

6. UBND các phường, xã

Thực hiện quản lý Nhà nước theo quy định được phân cấp; chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình này, đề xuất kế hoạch khuyến công hàng năm; cân đối, bố trí kinh phí hàng năm để hỗ trợ phát triển hoạt động khuyến công trên địa bàn và tổ chức chỉ đạo thực hiện; chủ động phối hợp với các ngành, các cấp giải quyết kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc và tạo điều kiện để CNNT phát triển./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 1
TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Giai đoạn 2026-2030	Trong đó	
			Nguồn ngân sách hỗ trợ thực hiện	Kinh phí đổi ứng của đơn vị thụ hưởng
1	Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất CN-TTCN	20.250	4.500	15.750
2	Phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu	1.150	1.150	-
3	Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý, tư vấn, trợ giúp các cơ sở CNNT	600	600	-
4	Công tác truyền thông, nâng cao năng lực quản lý và năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công	469	469	-
	Tổng cộng	22.469	6.719	15.750

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

									chế biến sâu và hoàn thiện các công đoạn chiết tách, sấy khô, đóng chai, đóng gói đối với các sản phẩm nông, lâm, thủy sản gắn với các sản phẩm đặc sản, sản phẩm có lợi thế của tỉnh Hà Tĩnh.
2	Phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu	1.150	0	480	70	550	50		
-	Tổ chức bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp tỉnh; tham gia bình chọn cấp quốc gia.	860	0	430	0	430	0	- Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024); Thông tư số 63/2025/TT-BCT ngày 26/12/2025 của Bộ Công Thương quy định về tổ chức bình chọn sản phẩm CNNTTB.	Dự kiến tổ chức 02 cuộc bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp tỉnh với kinh phí thực hiện 400 triệu đồng/cuộc, bao gồm cả chi phí giải thưởng (tổ chức định kỳ 02 năm/lần vào năm lẻ) và tham gia 02 cuộc bình chọn cấp quốc gia, với kinh phí thực hiện 30 triệu đồng/cuộc (tổ chức định kỳ 02 năm/lần vào năm lẻ).

-	Hỗ trợ phòng trưng bày giới thiệu quảng bá sản phẩm cho các cơ sở CNNT có sản phẩm được công nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh, cấp quốc gia.	290	0	50	70	120	50	- Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024)	Dự kiến hỗ trợ 05 phòng trưng bày cho 03 cơ sở có sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh, với kinh phí hỗ trợ thực hiện là 50 triệu đồng/cơ sở và 02 cơ sở có sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp quốc gia, với kinh phí hỗ trợ thực hiện là 70 triệu đồng/cơ sở.
3	Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý, tư vấn, trợ giúp các cơ sở CNNT	600	120	120	120	120	120		
-	Hỗ trợ tổ chức các lớp tập huấn khởi sự doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, kiến thức về thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm, chuyển đổi số	600	120	120	120	120	120	- Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024); Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 156/2025/NQ-HĐND ngày 24/7/2025)	Dự kiến tổ chức 15 lớp (mỗi năm 03 lớp cho từ 12-15 xã phường) cho khoảng 1.500 học viên tham gia (khoảng 100 học viên/lớp), với kinh phí hỗ trợ thực hiện 40 triệu đồng/lớp

4	Công tác truyền thông, nâng cao năng lực quản lý và năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công	469	46	130	49	133	111		
-	Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm...	180	0	60	0	60	60	- Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024)	Dự kiến hỗ trợ xây dựng 03 chương trình truyền hình với kinh phí hỗ trợ thực hiện 60 triệu đồng/chương trình
-	Chi phí tổ chức kiểm tra, giám sát hướng dẫn triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công và tổng kết công tác khuyến công giai đoạn	289	46	70	49	73	51	- Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024); Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 156/2025/NQ-HĐND ngày 24/7/2025)	Hỗ trợ 1,5% kinh phí thực hiện đối với cơ quan quản lý khuyến công và 3% đối với tổ chức dịch vụ khuyến công/tổng kinh phí thực hiện khuyến công
	Tổng cộng (1+2+3+4)	22.469	4.216	4.780	4.289	4.853	4.331		

<i>Chia ra: Ngân sách hỗ trợ thực hiện</i>	<i>6.719</i>	<i>1.066</i>	<i>1.630</i>	<i>1.139</i>	<i>1.703</i>	<i>1.181</i>		
<i>Nguồn đối ứng của các đơn vị thụ hưởng</i>	<i>15.750</i>	<i>3.150</i>	<i>3.150</i>	<i>3.150</i>	<i>3.150</i>	<i>3.150</i>		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH